

Mã đề 1

Đề kiểm tra có 03 trang.

I. Phần trắc nghiệm (7,0 điểm)

Câu 1: Trong mặt phẳng Oxy ảnh A' của điểm $A(-2;0)$ qua phép quay tâm O góc quay 90° có tọa độ là:

- A. $A'(2;2)$. B. $A'(2;0)$. C. $A'(0;2)$. D. $A'(0;-2)$.

Câu 2: Nghiệm của phương trình $\sqrt{3}\sin x - \cos x = 2$ là:

- A. $x = \frac{2\pi}{3} + \frac{k2\pi}{3}, k \in \mathbb{Z}$ B. $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$
C. $x = \frac{2\pi}{3} + k\pi, k \in \mathbb{Z}$ D. $x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

Câu 3: Lớp 11A có 25 học sinh nam và 20 học sinh nữ. Hỏi có bao nhiêu cách chọn một học sinh làm lớp trưởng?

- A. $25! + 20!$ cách B. $45!$ cách C. 45 cách D. 500 cách

Câu 4: Phương trình nào sau đây vô nghiệm?

- A. $\cos x = -\frac{3}{4}$ B. $\tan\left(3x + \frac{\pi}{6}\right) = -7$ C. $\sin 3x = \frac{5}{3}$ D. $\cot 2x = \frac{9}{5}$

Câu 5: Tìm ảnh (C') của đường tròn $(C): x^2 + y^2 - 2x - 4y + 1 = 0$ qua phép tịnh tiến theo vector $\vec{v} = (2; -5)$.

- A. $(C'): (x-4)^2 + (y+1)^2 = 20$. B. $(C'): (x+3)^2 + (y-3)^2 = 4$.
C. $(C'): (x+1)^2 + (y+7)^2 = 6$. D. $(C'): (x-3)^2 + (y+3)^2 = 4$.

Câu 6: Tìm số hạng đầu và cộng sai của cấp số cộng biết $\begin{cases} u_2 + u_5 - u_7 = 1 \\ u_1 + u_6 = 16 \end{cases}$

- A. $u_1 = \frac{171}{17}, d = -\frac{14}{17}$. B. $u_1 = -\frac{14}{17}, d = \frac{171}{17}$. C. $u_1 = 2, d = 3$. D. $u_1 = 3, d = 2$.

Câu 7: Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD là hình bình hành tâm O. Gọi I, J lần lượt là trung điểm của SA và SC. Đường thẳng IJ song song với đường thẳng nào?

- A. BC. B. AC. C. SO. D. BD.

Câu 8: Cho dãy số (u_n) với $u_n = 2n + 1$. Tìm u_5 ?

- A. 11 B. 2 C. 1 D. 3

Câu 9: Gieo con súc sắc một lần. Tính xác suất để con súc sắc xuất hiện mặt chấm lẻ.

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{3}$ C. $\frac{2}{3}$ D. $\frac{5}{6}$

Câu 10: Có bao nhiêu cách chọn 5 học sinh từ 20 học sinh của lớp 11A?

- A. 1860480 cách B. 120 cách C. 15504 cách D. 100 cách

Câu 11: Giải phương trình $\sin x = \sin \frac{\pi}{3}$ ta có nghiệm là:

$$\text{A. } \begin{cases} x = \frac{\pi}{3} + k2\pi \\ x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi \end{cases}, k \in \mathbb{Z}$$

$$\text{C. } x = \frac{\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$$

$$\text{B. } \begin{cases} x = \frac{\pi}{3} + k\pi \\ x = \frac{2\pi}{3} + k\pi \end{cases}, k \in \mathbb{Z}$$

$$\text{D. } \begin{cases} x = \frac{\pi}{3} + k2\pi \\ x = -\frac{\pi}{3} + k2\pi \end{cases}, k \in \mathbb{Z}$$

Câu 12: Một hộp đựng 20 viên bi đều khác nhau. Bạn Hải chọn 4 bi từ hộp rồi trả lại. Bạn Nam chọn 4 bi từ hộp rồi trả lại. Tính xác suất sao cho Hải và Nam chọn 4 bi đều giống nhau.

$$\text{A. } \frac{1}{4845}$$

$$\text{B. } \frac{1}{2}$$

$$\text{C. } \frac{1}{9690}$$

$$\text{D. } \frac{182}{969}$$

Câu 13: Với giá trị nào của a thì dãy số (u_n) với $u_n = \frac{an-1}{n+2}, \forall n \geq 1$ là dãy số tăng?

$$\text{A. } a > 2.$$

$$\text{B. } a < -2.$$

$$\text{C. } a > -\frac{1}{2}.$$

$$\text{D. } a < -\frac{1}{2}.$$

Câu 14: Phương trình $\cos \frac{x}{3} = -1$ có nghiệm là:

$$\text{A. } x = 3\pi + k6\pi, k \in \mathbb{Z}$$

$$\text{B. } x = \pi + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$$

$$\text{C. } x = \pi + k3\pi, k \in \mathbb{Z}$$

$$\text{D. } x = 3\pi + \frac{k2\pi}{3}, k \in \mathbb{Z}$$

Câu 15: Cho dãy số (u_n) với $u_n = \frac{n+2}{2n+1}, \forall n \geq 1$. Tìm mệnh đề sai?

$$\text{A. } \text{Số } \frac{5}{7} \text{ là số hạng thứ 3 của dãy.}$$

$$\text{B. } (u_n) \text{ là dãy số giảm.}$$

$$\text{C. } (u_n) \text{ là dãy số tăng.}$$

$$\text{D. } u_n > 0, \forall n \in \mathbb{N}^*.$$

Câu 16: Có bao nhiêu cách xếp 4 viên bi đỏ có bán kính khác nhau và 3 viên bi xanh bán kính giống nhau vào một dãy có 8 ô trống?

$$\text{A. } 5040 \text{ cách}$$

$$\text{B. } 40302 \text{ cách}$$

$$\text{C. } 6720 \text{ cách}$$

$$\text{D. } 144 \text{ cách}$$

Câu 17: Tìm giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = 2 \cos \left(3x - \frac{\pi}{5} \right) + 3$

$$\text{A. } -5$$

$$\text{B. } 1$$

$$\text{C. } 3$$

$$\text{D. } -1$$

Câu 18: Phương trình (C') là ảnh của đường tròn $(C): x^2 + (y-3)^2 = 4$ qua phép vị tự tâm O tỉ số $k = -2$.

$$\text{A. } (C'): x^2 + (y+6)^2 = 16.$$

$$\text{B. } (C'): x^2 + (y-6)^2 = 16.$$

$$\text{C. } (C'): x^2 + (y+6)^2 = 64.$$

$$\text{D. } (C'): x^2 + (y-6)^2 = 64.$$

Câu 19: Tính tổng của 100 số hạng đầu của một cấp số cộng biết $u_1 = -5, d = 3$.

$$\text{A. } 292.$$

$$\text{B. } 14350.$$

$$\text{C. } 14600.$$

$$\text{D. } 14500.$$

Câu 20: Tìm hệ số của số hạng chứa x^3 trong khai triển $\left(2x^2 - \frac{3}{x} \right)^9$

$$\text{A. } 489888x^3$$

$$\text{B. } -489888$$

$$\text{C. } -489888x^3$$

$$\text{D. } 489888$$

Câu 21: Tìm ảnh d' của đường thẳng $d: 2x - y + 1 = 0$ qua phép tịnh tiến theo vector $\vec{v} = (1; -3)$.

$$\text{A. } d': 2x - y - 5 = 0. \quad \text{B. } d': 2x - y + 4 = 0. \quad \text{C. } d': 2x - y - 1 = 0. \quad \text{D. } d': 2x - y - 4 = 0.$$

Câu 22: Nghiệm của phương trình $3\tan x - \sqrt{3} = 0$ là:

A. $x = \frac{\pi}{6} + \frac{k\pi}{3}, k \in \mathbb{Z}$

B. $x = \frac{\pi}{6} + k\pi, k \in \mathbb{Z}$

C. $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

D. $x = \frac{\pi}{6} + \frac{k2\pi}{3}, k \in \mathbb{Z}$

Câu 23: Giải phương trình $\cos^2 x + \sin x + 1 = 0$ có nghiệm là:

A. $x = -\frac{\pi}{2} + \frac{k\pi}{2}, k \in \mathbb{Z}$

B. $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

C. $x = -\frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z}$

D. $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

Câu 24: Tìm tập xác định của hàm số $y = \frac{\sin x}{1 - \cos 2x}$

A. $D = \mathbb{R} \setminus \{k2\pi, k \in \mathbb{Z}\}$

B. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$

C. $D = \mathbb{R} \setminus \{\pi + k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$

D. $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$

Câu 25: Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD là hình thang, đáy lớn AD. Khi đó giao tuyến của hai mặt phẳng (SAB) và (SCD) là:

A. Đường thẳng SO với O là giao điểm của AC và BD.

B. Đường thẳng đi qua S và song song AC.

C. Đường thẳng đi qua S và song song BD.

D. Đường thẳng SI với I là giao điểm của AB và CD.

Câu 26: Cho tứ diện ABCD. Gọi M, N, P lần lượt là trung điểm của AD, AB, CD. Khi đó giao điểm của BC với mặt phẳng (MNP) chính là:

A. Trung điểm của AC.

B. Trung điểm của BC.

C. Giao điểm của MP và BC.

D. Giao điểm của MN và CD.

Câu 27: Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD là hình bình hành. Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAD) và (SBC) là đường thẳng song song với đường thẳng nào sau đây?

A. BD.

B. AC.

C. AD.

D. SC.

Câu 28: Trong các dãy số sau, dãy số nào là cấp số cộng ?

A. 1, 3, 5, 7, 9.

B. 2, 4, 5, 6, 7.

C. 1, 2, 4, 8, 16.

D. 3, -6, 12, -24.

II. Phần tự luận (3,0 điểm)

Bài 1 :(1,0 điểm). Giải các phương trình

1. $2\cos^2 7x - 5\cos 7x - 7 = 0$

2. $(\sin 2x + \cos 2x)\cos x + 2\cos 2x - \sin x = 0$

Bài 2 :(1,0 điểm).

1. Tìm số hạng chứa x^4 trong khai triển $\left(2x - \frac{1}{x^2}\right)^{13}$.

2. Một hộp chứa 3 bi đỏ, 5 bi vàng, 6 bi xanh. Chọn ngẫu nhiên 3 bi từ hộp này. Tính xác suất sao cho 3 bi có đủ 3 màu.

Bài 3 :(1,0 điểm).

Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD là hình bình hành tâm O. Gọi M là trung điểm của SC.

1. Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng (SAC) và (SBD).

2. Chứng minh $OM \parallel (SAB)$.

-----Hết-----

Mã đề 2

Đề kiểm tra có 03 trang.

I. Phần trắc nghiệm (7,0 điểm)

Câu 1: Phương trình $\cos \frac{x}{3} = -1$ có nghiệm là:

A. $x = \pi + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

B. $x = 3\pi + k6\pi, k \in \mathbb{Z}$

C. $x = \pi + k3\pi, k \in \mathbb{Z}$

D. $x = 3\pi + \frac{k2\pi}{3}, k \in \mathbb{Z}$

Câu 2: Tìm số hạng đầu và cộng sai của cấp số cộng biết
$$\begin{cases} u_2 + u_5 - u_7 = 1 \\ u_1 + u_6 = 16 \end{cases}$$

A. $u_1 = 3, d = 2$.

B. $u_1 = \frac{171}{17}, d = -\frac{14}{17}$.

C. $u_1 = 2, d = 3$.

D. $u_1 = -\frac{14}{17}, d = \frac{171}{17}$.

Câu 3: Trong mặt phẳng Oxy ảnh A' của điểm $A(-2;0)$ qua phép quay tâm O góc quay 90° có tọa độ là:

A. $A'(0;-2)$.

B. $A'(0;2)$.

C. $A'(2;0)$.

D. $A'(2;2)$.

Câu 4: Gieo con súc sắc một lần. Tính xác suất để con súc sắc xuất hiện mặt chấm lẻ.

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{1}{3}$

C. $\frac{1}{2}$

D. $\frac{5}{6}$

Câu 5: Cho dãy số (u_n) với $u_n = \frac{n+2}{2n+1}, \forall n \geq 1$. Tìm mệnh đề sai?

A. (u_n) là dãy số giảm.

B. (u_n) là dãy số tăng.

C. Số $\frac{5}{7}$ là số hạng thứ 3 của dãy.

D. $u_n > 0, \forall n \in \mathbb{N}^*$.

Câu 6: Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD là hình thang, đáy lớn AD. Khi đó giao tuyến của hai mặt phẳng (SAB) và (SCD) là:

A. Đường thẳng SO với O là giao điểm của AC và BD.

B. Đường thẳng đi qua S và song song AC.

C. Đường thẳng đi qua S và song song BD.

D. Đường thẳng SI với I là giao điểm của AB và CD.

Câu 7: Giải phương trình $\sin x = \sin \frac{\pi}{3}$ ta có nghiệm là:

A.
$$\begin{cases} x = \frac{\pi}{3} + k2\pi \\ x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi \end{cases}, k \in \mathbb{Z}$$

B.
$$\begin{cases} x = \frac{\pi}{3} + k\pi \\ x = \frac{2\pi}{3} + k\pi \end{cases}, k \in \mathbb{Z}$$

C. $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

D.
$$\begin{cases} x = \frac{\pi}{3} + k2\pi \\ x = -\frac{\pi}{3} + k2\pi \end{cases}, k \in \mathbb{Z}$$

Câu 8: Cho dãy số (u_n) với $u_n = 2n + 1$. Tìm u_5 ?

- A. 3 B. 1 C. 2 D. 11

Câu 9: Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD là hình bình hành. Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAD) và (SBC) là đường thẳng song song với đường thẳng nào sau đây?

- A. BD. B. AC. C. AD. D. SC.

Câu 10: Một hộp đựng 20 viên bi đều khác nhau. Bạn Hải chọn 4 bi từ hộp rồi trả lại. Bạn Nam chọn 4 bi từ hộp rồi trả lại. Tính xác suất sao cho Hải và Nam chọn 4 bi đều giống nhau.

- A. $\frac{1}{4845}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{1}{9690}$ D. $\frac{182}{969}$

Câu 11: Có bao nhiêu cách xếp 4 viên bi đỏ có bán kính khác nhau và 3 viên bi xanh bán kính giống nhau vào một dãy có 8 ô trống?

- A. 5040 cách B. 40302 cách C. 6720 cách D. 144 cách

Câu 12: Với giá trị nào của a thì dãy số (u_n) với $u_n = \frac{an-1}{n+2}, \forall n \geq 1$ là dãy số tăng?

- A. $a > 2$. B. $a > -\frac{1}{2}$. C. $a < -2$. D. $a < -\frac{1}{2}$.

Câu 13: Phương trình nào sau đây vô nghiệm?

- A. $\cos x = -\frac{3}{4}$ B. $\cot 2x = \frac{9}{5}$ C. $\sin 3x = \frac{5}{3}$ D. $\tan\left(3x + \frac{\pi}{6}\right) = -7$

Câu 14: Có bao nhiêu cách chọn 5 học sinh từ 20 học sinh của lớp 11A?

- A. 1860480 cách B. 100 cách C. 120 cách D. 15504 cách

Câu 15: Nghiệm của phương trình $\sqrt{3}\sin x - \cos x = 2$ là:

- A. $x = \frac{2\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$ B. $x = \frac{2\pi}{3} + \frac{k2\pi}{3}, k \in \mathbb{Z}$
C. $x = \frac{2\pi}{3} + k\pi, k \in \mathbb{Z}$ D. $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

Câu 16: Tìm giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = 2\cos\left(3x - \frac{\pi}{5}\right) + 3$

- A. -5 B. 1 C. 3 D. -1

Câu 17: Tính tổng của 100 số hạng đầu của một cấp số cộng biết $u_1 = -5, d = 3$.

- A. 14500. B. 14600. C. 292. D. 14350.

Câu 18: Lớp 11A có 25 học sinh nam và 20 học sinh nữ. Hỏi có bao nhiêu cách chọn một học sinh làm lớp trưởng?

- A. 500 cách B. $25! + 20!$ cách C. 45 cách D. $45!$ cách

Câu 19: Tìm hệ số của số hạng chứa x^3 trong khai triển $\left(2x^2 - \frac{3}{x}\right)^9$

- A. $489888x^3$ B. -489888 C. $-489888x^3$ D. 489888

Câu 20: Tìm ảnh d' của đường thẳng $d: 2x - y + 1 = 0$ qua phép tịnh tiến theo vector $\vec{v} = (1; -3)$.

- A. $d': 2x - y - 5 = 0$. B. $d': 2x - y + 4 = 0$. C. $d': 2x - y - 1 = 0$. D. $d': 2x - y - 4 = 0$.

Câu 21: Phương trình (C') là ảnh của đường tròn $(C): x^2 + (y - 3)^2 = 4$ qua phép vị tự tâm O tỉ số $k = -2$.

- A. $(C'): x^2 + (y + 6)^2 = 16$. B. $(C'): x^2 + (y - 6)^2 = 64$.
C. $(C'): x^2 + (y + 6)^2 = 64$. D. $(C'): x^2 + (y - 6)^2 = 16$

Câu 22: Giải phương trình $\cos^2 x + \sin x + 1 = 0$ có nghiệm là:

- A. $x = -\frac{\pi}{2} + \frac{k\pi}{2}, k \in \mathbb{Z}$ B. $x = -\frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$
C. $x = -\frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z}$ D. $x = \frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

Câu 23: Tìm tập xác định của hàm số $y = \frac{\sin x}{1 - \cos 2x}$

- A. $D = \mathbb{R} \setminus \{k2\pi, k \in \mathbb{Z}\}$ B. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{\frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z}\right\}$
C. $D = \mathbb{R} \setminus \{\pi + k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$ D. $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$

Câu 24: Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD là hình bình hành tâm O. Gọi I, J lần lượt là trung điểm của SA và SC. Đường thẳng IJ song song với đường thẳng nào?

- A. BC. B. BD. C. SO. D. AC.

Câu 25: Cho tứ diện ABCD. Gọi M, N, P lần lượt là trung điểm của AD, AB, CD. Khi đó giao điểm của BC với mặt phẳng (MNP) chính là:

- A. Trung điểm của AC. B. Trung điểm của BC.
C. Giao điểm của MP và BC. D. Giao điểm của MN và CD.

Câu 26: Trong các dãy số sau, dãy số nào là cấp số cộng ?

- A. 1, 3, 5, 7, 9. B. 2, 4, 5, 6, 7. C. 1, 2, 4, 8, 16. D. 3, -6, 12, -24.

Câu 27: Tìm ảnh (C') của đường tròn $(C): x^2 + y^2 - 2x - 4y + 1 = 0$ qua phép tịnh tiến theo vector $\vec{v} = (2; -5)$.

- A. $(C'): (x+1)^2 + (y+7)^2 = 6$. B. $(C'): (x+3)^2 + (y-3)^2 = 4$.
C. $(C'): (x-3)^2 + (y+3)^2 = 4$. D. $(C'): (x-4)^2 + (y+1)^2 = 20$.

Câu 28: Nghiệm của phương trình $3\tan x - \sqrt{3} = 0$ là:

- A. $x = \frac{\pi}{6} + \frac{k\pi}{3}, k \in \mathbb{Z}$ B. $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$
C. $x = \frac{\pi}{6} + k\pi, k \in \mathbb{Z}$ D. $x = \frac{\pi}{6} + \frac{k2\pi}{3}, k \in \mathbb{Z}$

II. Phần tự luận (3,0 điểm)

Bài 1 : (1,0 điểm). Giải các phương trình

- $2\cos^2 7x - 5\cos 7x - 7 = 0$
- $(\sin 2x + \cos 2x)\cos x + 2\cos 2x - \sin x = 0$

Bài 2 : (1,0 điểm).

- Tìm số hạng chứa x^4 trong khai triển $\left(2x - \frac{1}{x^2}\right)^{13}$.

2. Một hộp chứa 3 bi đỏ, 5 bi vàng, 6 bi xanh. Chọn ngẫu nhiên 3 bi từ hộp này. Tính xác suất sao cho 3 bi có đủ 3 màu.

Bài 3 : (1,0 điểm).

Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD là hình bình hành tâm O. Gọi M là trung điểm của SC.

- Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng (SAC) và (SBD).
- Chứng minh $OM \parallel (SAB)$.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HK I NĂM HỌC 2017 – 2018

MÔN Toán – LỚP 11

Ngày kiểm tra : 18/12/2017

Thời gian : 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

I. Phần trắc nghiệm (7,0 điểm) (mỗi câu 0,25đ)

Đề 1

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
D	D	C	C	D	D	B	A	A	C	A	A	C	A
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
C	C	B	A	B	B	D	B	B	D	D	B	C	A

Đề 2

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
B	A	A	C	B	D	A	D	C	A	C	B	C	D
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
A	B	D	C	B	D	A	B	D	D	B	A	C	C

II. Phần tự luận (3,0 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
1 (1,0 đ)	1.(0,5 đ) $\begin{cases} \cos 7x = -1 \\ \cos 7x = \frac{7}{2} \end{cases}$ $+ x = \frac{\pi}{7} + \frac{k2\pi}{7}, k \in \mathbb{Z}$ 2. (0,5 đ) $\begin{cases} \cos 2x = 0 \\ \sin x + \cos x + 2 = 0 \end{cases}$ $+ x = \frac{\pi}{4} + \frac{k\pi}{2}, k \in \mathbb{Z}$	0,25 0,25 0,25 0,25
2 (1,0 đ)	1.(0,5 đ) $+ C_{13}^k \cdot 2^{13-k} \cdot (-1)^k \cdot x^{13-3k}$ $+ C_{13}^3 \cdot 2^{10} \cdot (-1)^3 \cdot x^4 = -292864 \cdot x^4$ 2. (0,5 đ) $+ n(\Omega) = C_{14}^3 = 364$ $+ P(A) = \frac{90}{364} = \frac{45}{182}$	0,25 0,25 0,25 0,25
3 (1,0 đ)	1.(0,5 đ) + S là điểm chung thứ nhất. + O là điểm chung thứ hai. Từ đó suy ra $(SAC) \cap (SBD) = SO$. 2. (0,5 đ) $+ \begin{cases} OM \not\subset (SAB) \\ OM // SA \\ SA \subset (SAB) \end{cases}$ $+ OM // (SAB)$	0,25 0,25 0,25 0,25